

Số: 365 /TB-BVNHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá hàng hóa thuộc Danh mục Gói thầu thuốc lần 2 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội

Kính gửi: Các đơn vị/nhà cung cấp thuốc tại Việt Nam.

Bệnh viện Nhi Hà Nội có kế hoạch đấu thầu rộng rãi gói thầu thuốc lần 2 năm 2025. Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp các mặt hàng trên tham gia gửi báo giá về Bệnh viện Nhi Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Địa chỉ: Phường Dương Nội - Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Nghiệp Vụ Dược - Bệnh viện Nhi Hà Nội.

+ Điện thoại: 0369.426.183. (Ds. Chu Xuân Nhất)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội - Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

- Bản mềm gửi qua địa chỉ email: Duocnhihn@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hành thông báo này. Thời gian tiếp nhận báo giá trong giờ hành chính (từ 7h30 đến 16h30 các ngày trong tuần).

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục sản phẩm: Chi tiết tại phụ lục I đính kèm

2. Biểu mẫu báo giá: Theo phụ lục II đính kèm, có chữ ký, đóng dấu người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Thời gian đấu thầu dự kiến: Quý III năm 2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, KD (02b).

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Hùng

PHỤ LỤC I

DANH MỤC GÓI THẦU THUỐC LẦN 2 NĂM 2025 CỦA BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI

(kèm theo thông báo số 365 /TB-BVNNHN ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	STT TT20	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG	ĐƯỜNG DÙNG	DẠNG BẢO CHẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng
1	1	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	3.100
2	21	Propofol	1%/20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	8.000
3	26	Atracurium besylat	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	200
4	37	Diclofenac natri	100mg	Đặt hậu môn/trực tràng	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Viên	1.000
5	56	Paracetamol	150mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	20.000
6	56	Paracetamol	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	4.000
7	81	Adalimumab	40mg/0.4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	10
8	88	Infliximab	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	10
9	101	Desloratadin	5mg	Uống	Viên	Viên	2.300
10	103	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	7.050
11	105	Adrenalin	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.300
12	114	Acetylcystein	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	4.000
13	114	Acetylcystein	2g/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	50
14	116	Calci gluconat	95,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.600
15	131	Natri bicarbonat	10,5g/250ml (4,2% kl/tt)	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.770
16	148	Carbamazepin	200mg	Uống	Viên	Viên	500
17	151	Levetiracetam	250mg	Uống	Viên	Viên	5.000
18	151	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	Viên	9.000
19	152	Oxcarbazepine	300mg	Uống	Viên	Viên	9.000
20	153	Phenobarbital	10mg	Uống	Viên	Viên	15.000

STT	STT TT20	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG	ĐƯỜNG DÙNG	DẠNG BẢO CHẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng
21	156	Topiramát	25mg	Uống	Viên	Viên	5.000
22	157	Natri Valproate	200mg/ml × 40 ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi	9.000
23	157	Natri Valproate	200mg	Uống	Viên	Viên	9.000
24	157	Valproat natri + Valproic acid	333 mg + 145 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	9.000
25	160	Albendazol	200mg	Uống	Viên	Viên	900
26	171	Ampicillin	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	4.300
27	173	Benzathin benzylpenicilin	1.200.000 I.U	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	100
28	180	Cefazolin	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	5.000
29	207	Piperacilin + Tazobactam	4g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.520
30	213	Gentamicin	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	4.600
31	220	Cloramphenicol	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	100
32	221	Metronidazol	250mg	Uống	Viên	Viên	800
33	225	Clindamycin	600mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000
34	226	Azithromycin	200mg/5ml x 15ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi	600
35	234	Levofloxacin	250mg	Uống	Viên	Viên	6.000
36	247	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên	Viên	200
37	249	Tigecyclin	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	50
38	252	Natri colistimethat	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000
39	280	Aciclovir	200mg	Uống	Viên	Viên	500
40	281	Entecavir	0,5mg	Uống	Viên	Viên	200
41	285	Valganciclovir	450mg	Uống	Viên	Viên	100
42	288	Amphotericin B	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	500
43	299	Griseofulvin	500mg	Uống	Viên	Viên	300
44	316	Hydroxy cloroquin	200mg	Uống	Viên	Viên	1.000
45	355	Cyclophosphamid	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	20

STT	STT TT20	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG	ĐƯỜNG DÙNG	DẠNG BẢO CHẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng
46	377	Methotrexat	2,5mg	Uống	Viên	Viên	500
47	377	Methotrexat	5mg	Uống	Viên	Viên	500
48	400	Rituximab	500mg/50ml x 50ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	10
49	418	Ciclosporin	25mg	Uống	Viên nang	Viên	18.000
50	422	Mycophenolat	250mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000
51	422	Mycophenolat	250mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000
52	422	Mycophenolat	500mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000
53	423	Tacrolimus	0,5mg	Uống	Viên	Viên	500
54	423	Tacrolimus	1mg	Uống	Viên	Viên	500
55	446	Sắt sucrose (hay dextran)	100mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	100
56	482	Deferipron	250mg	Uống	Viên	Viên	10.000
57	496	Propranolol	40mg	Uống	Viên	Viên	1.900
58	500	Amlodipin	5mg	Uống	Viên	Viên	2.000
59	515	Captopril	25mg	Uống	Viên	Viên	10.000
60	519	Clonidine	0,15mg	Uống	Viên	Viên	960
61	536	Methyldopa	250mg	Uống	Viên	Viên	500
62	540	Nifedipine	10mg	Uống	Viên	Viên	200
63	554	Dobutamin	250mg/20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000
64	555	Dopamin	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000
65	593	Nimodipin	10mg/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	50
66	623	Acid fucidic	2% (kl/kl), 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi/Tuýp	100
67	667	Furosemid	40mg	Uống	Viên	Viên	5.500
68	668	Furosemid + Spironolacton	20mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	5.000
69	670	Spironolacton	25mg	Uống	Viên	Viên	2.000
70	682	Omeprazol	20mg	Uống	Viên	Viên	1.400

STT	STT TT20	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG	ĐƯỜNG DÙNG	DẠNG BẢO CHẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng
71	691	Domperidon	5mg/5ml, chai 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.500
72	694	Ondansetron	8mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	600
73	699	Drotaverine hydrochloride	40mg	Uống	Viên	Viên	300
74	709	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Ống	2.000
75	710	Macrogol 4000	4g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Ống	500
76	717	Bacillus subtilis	10^7 - 10^8 CFU/250mg	Uống	Viên	Viên	20.000
77	718	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/ 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi	26.000
78	721	Diosmectit	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2.500
79	722	Gelatin tannat	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	5.000
80	724	Kẽm Gluconat	105mg	Uống	Viên	Viên	1.000
81	728	Racecadotril	10mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	30.000
82	728	Racecadotril	30mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	3.000
83	729	Saccharomyces boulardii	250mg	Uống	Viên	Viên	20.000
84	729	Saccharomyces boulardii	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	10.000
85	733	Amylase + lipase + protease	300mg (18000 đơn vị Ph.Eur + 25000 đơn vị Ph.Eur + 1000 đơn vị Ph.Eur)	Uống	Viên	Viên	100
86	738	Octreotide	0,1mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	100
87	752	Fludrocortison acetat	100mcg	Uống	Viên	Viên	200
88	754	Hydrocortison	10mg	Uống	Viên	Viên	1.050
89	757	Prednisolon	5mg	Uống	Viên	Viên	20.000
90	786	Human Insulin	40IU/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	100
91	854	Natri clorid	0,9%/100ml x 50ml	Dung dịch dùng ngoài	Xịt mũi	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.500
92	894	Salbutamol sulfat	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	200

STT	STT TT20	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG	ĐƯỜNG DÙNG	DẠNG BẢO CHẾ	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng
93	942	Citicoline	500mg	Uống	Viên	Viên	3.600
94	949	Piracetam	400mg	Uống	Viên	Viên	2.000
95	983	Kali clorid	600mg	Uống	Viên	Viên	5.000
96	985	Glucose khan + Natri clorid + Tri natri citrat khan + Kali clorid	20g + 3,5g + 2,545g + 1,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	17.000
97	992	Glucose	20%/500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.800
98	994	Magnesi sulfat	1,5g/10ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	100
99	996	Manitol 20%	20%/250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.000
100	1002	Dextrose khan + Natri clorid+ Kali clorid+ Natri lactat+ Calci clorid.2H2O	(11,365g+ 1,5g+ 75mg+ 750mg+ 50mg)/ 250ml x 500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	7.000
101	1007	Calci + Vitamin D3	1,2g + 800IU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	3.000
102		Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	(18,3mg + 1,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml x 2000ml	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/Lọ/Ống/Túi	8.100
103		Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	(18,3mg + 2,5g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml x 2000ml	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.700
104		Calci Chloride + Dextrose hydrous + Magie Chloride + Natri Chloride + Natri lactate	(18,3mg + 4,25g + 5,08mg + 538mg + 448mg)/100ml x 2000ml	Truyền dung dịch lọc vào khoang bụng	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/Lọ/Ống/Túi	180
Tổng: 104 khoản							

PHỤ LỤC II

BẢNG BÁO GIÁ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2025

(Đính kèm Thông báo số 365 /TB-BVNNHN ngày 29 tháng 7 năm 2025)

Nhà thầu:

Địa chỉ:

Email:

Người liên hệ:

Số điện thoại liên lạc:

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

STT	STT theo TT20	Hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	SDK hoặc số GPNK	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá chào (có VAT)	Giá kê khai trên công	Nơi trúng thầu giá thấp nhất				Nơi trúng thầu giá cao nhất		
															Nơi trúng thầu	Quyết định trúng thầu và ngày trúng thầu	Giá trúng thầu thấp nhất	Nơi trúng thầu	Quyết định trúng thầu và ngày trúng thầu	Giá trúng thầu cao nhất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	11	14	15	16	17	18	19	20	21	

Hà Nội, ngàytháng..... năm 2025

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu